|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**

**NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**HÀNG HÓA TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026-2030**

| **QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  |
|  | Nghị quyết này quy định cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030. | Chính sách áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |
|  | Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. | Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố vì vậy đối tượng áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng là các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung |
|  | Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng và được quy định ở từng chính sách cụ thể từ Điều 4 đến Điều 16 Nghị quyết này. |
|  | **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện** |  |
|  | Chính sách chỉ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các điều kiện của từng chính sách cụ thể quy định tại Nghị quyết này. | - Để đảm bảo các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn thành phố đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định của từng chính sách được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố.  - Đảm bảo chính sách hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh chồng chéo, lãnh phí. |
|  | Trong cùng một thời gian, có nhiều chính sách hoặc có chính sách mới của Nhà nước được ban hành, cùng một nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn, áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất. |
|  | Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết (nếu có) theo quy định tại nghị quyết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan. |
|  | Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. |
|  | Mỗi đối tượng thụ hưởng được hưởng **không quá 03** chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này. |
| **Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương**, quy định hỗ trợ thuê đất để sản xuất hàng hóa quy mô lớn: 05 triệu đồng/ha/năm cho 2 năm đầu tính từ khi thuê đất. | **Điều 4. Hỗ trợ thuê đất nông nghiệp để sản xuất hàng hóa quy mô lớn:** chi hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/năm, hỗ trợ trong 2 năm đầu tính từ khi thuê đất, thực hiện thanh toán hỗ trợ theo từng năm. | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Theo Khoản 4, Điều 8 Luật Đất đai 2024 quy định *"Khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn"*; Khoản 3 Điều 192 Luật Đất đai 2020 quy định *"Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đã tập trung".*  - Thực tế sản xuất, trong những năm qua việc tích tụ, tập trung ruộng đất đã diễn ra với các hình thức và bước đi đa dạng, sáng tạo. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất còn có khó khăn, vướng mắc. Để việc tập trung, tích tụ đất đai được thực hiện có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng đất đai, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng hiện đại diễn ra mạnh mẽ, nhanh chóng hơn, tạo nên thương hiệu, tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp rất cần có cơ chế chính sách hỗ trợ đồng bộ khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai gắn với mục tiêu phát triển bền vững.  - Kế thừa chính sách hỗ trợ thuê đất để sản xuất hàng hóa quy mô lớn quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:*** 5 triệu đồng/ha/năm và hỗ trợ 02 năm: Chi phí thuê đất để sản xuất trồng trọt trên địa bàn thành phố, tùy thuộc vào vị trí, địa hình, điều kiện thổ nhưỡng, tiềm năng sử dụng khai thác...giá thuê đất hiện nay dao động từ 400.000 đồng – 800.000 đồng/sào Bắc bộ/năm (tương đương 11 triệu đồng – 22 triệu đồng/ha/năm). Vì vậy, đề xuất hỗ trợ không quá 50% kinh phí thuê đất cho 2 năm đầu. |
| **Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy định hỗ trợ xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao, mức hỗ trợ 100.000 đồng/m² xây dựng nhà màng. | **Điều 5. Hỗ trợ xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao: chi hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao. Mức hỗ trợ 100.000 đồng/m2 nhà màng.** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Khoản 1 Điều 66 Luật Trồng trọt 2018 quy định: "Công nghệ cao được ưu tiên và khuyến khích ứng dụng trong canh tác bao gồm: ... b) Công nghệ tưới nước tiết kiệm, canh tác không sử dụng đất; c) Công nghệ sản xuất trong điều kiện nhà kính, nhà lưới; …";  - Kế thừa chính sách hỗ trợ xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.  - Thực tế sản xuất trồng trọt luôn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tác động của thời tiết khí hậu và sâu bệnh hại. Thực tiễn cho thấy, nhà màng, nhà lưới đã giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ cây trồng khỏi sâu bệnh và thời tiết khắc nghiệt, tiết kiệm nước và tài nguyên, giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, từ đó tạo ra sản phẩm sạch, an toàn và nâng cao giá trị kinh tế. Mô hình này còn giúp bà con nông dân chủ động hơn trong sản xuất, ít phụ thuộc vào mùa vụ và có thể canh tác trái vụ. Đây cũng là một trong những hướng đi để phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Hiện nay, diện tích nhà màng, nhà lưới trên địa bàn thành phố vẫn còn khiêm tốt (qua thống kê sơ bộ trên địa bàn thành phố mới có khoảng 125 ha). Vì vậy cần có cơ chế chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất theo đúng mục tiêu, định hướng phát triển lĩnh vực nông nghiệp của thành phố.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:*** 100.000đ/m2 xây dựng nhà lưới, căn cứ thực tế chi phí xây dựng, lắp đặt nhà màng mức trung dao động 2,0 -2,8 tỷ đồng/ha (200.000 đồng – 280.000 đồng/m2), đề xuất mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí (100.000 đồng/m2) theo Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về Khuyến nông. |
| **Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy định hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, GAP phục vụ xuất khẩu | **Điều 6. Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, Halal** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Tại Điểm a Khoản 2 Điều 4 Luật Trồng trọt 2018 có quy định Chính sách của Nhà nước về hoạt động trồng trọt như sau “*Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây: ....quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc.*  - Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ quy định “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: (a) Ban hành chính sách khuyến khích; phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, dự án sản xuất hữu cơ tại địa phương; (b) Bố trí kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quy định tại Nghị định này tại địa phương”.*  *-* Cơ sở thực tế: Hiện nay việc sản xuất áp dụng theo tiêu chuẩn (VietGAP, Hữu cơ) các loại cây trồng chiếm tỷ lệ rất nhỏ: có 2.703,18 ha đã được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP , trong đó, chủ yếu là cây ăn quả và cây rau, điển hình như cây vải, nhãn, ổi có 93 vùng, diện tích 1.289,5169 ha, rau có 75 vùng, diện tích 935 ha; Đối với sản xuất hữu cơ, toàn thành phố có 740 ha , chủ yếu là vùng sản xuất lúa hữu cơ trên diện tích khai thác sản phẩm rươi, cáy tự nhiên. Bên cạnh đó, Nông nghiệp Hải Phòng cũng đang đứng trước thách thức lớn, đó là sự gia tăng nhanh mức độ ô nhiễm môi trường, trong đó đất canh tác đang bị thoái hóa và mất dần độ màu mỡ do việc sử dụng ngày càng nhiều phân hoá học, thuốc trừ sâu, bệnh, cỏ dại… làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, việc đề xuất hỗ trợ là phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.  - Kế thừa chính sách hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, GAP phục vụ xuất khẩu theo Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương  - Đối với mức hỗ trợ đề xuất áp dụng theo thực tế chi phí chứng nhận của các Tổ chức chứng nhận độc lập.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:*** áp dụng theo Khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương |
| - Hỗ trợ chi phí đánh giá cấp mã số vùng trồng mới và đánh giá duy trì mã số vùng trồng: 03 triệu đồng/1 mã số vùng trồng/năm;  - Hỗ trợ chi phí đánh giá cấp mã số cơ sở đóng gói và đánh giá duy trì mã số cơ sở đóng gói: 02 triệu đồng/1 mã số cơ sở đóng gói/năm; | - Hỗ trợ chi phí đánh giá cấp mới và đánh giá duy trì mã số vùng trồng: 3 triệu đồng/1 mã số vùng trồng/năm; |
| - Hỗ trợ một lần chi phí mua phân bón hữu cơ hoặc thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất ra sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn hữu cơ, GAP phục vụ xuất khẩu: 05 triệu đồng/ha; | - Hỗ trợ 1 lần chi phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất ra sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, HALA: mức hỗ trợ 5 triệu đồng/ha; |
| - Hỗ trợ chi phí tư vấn, tập huấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận: 150 triệu đồng/vùng đối với vùng sản xuất hữu cơ, GlobalGAP; 06 triệu đồng/ha đối với vùng sản xuất VietGAP (*trong đó: kinh phí năm đầu là 05 triệu đồng/ha, kinh phí đánh giá duy trì năm thứ hai là 01 triệu đồng/ha* ); | - Hỗ trợ chi phí tư vấn, tập huấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận: 15 triệu đồng/ha đối với vùng sản xuất hữu cơ, Global GAP, Hala; 6 triệu đồng/ha đối với vùng sản xuất VietGAP (trong đó: kinh phí năm đầu là 5 triệu đồng/ha; kinh phí đánh giá duy trì năm thứ hai là 1 triệu đồng/ha); |
| - Hỗ trợ vùng xuất khẩu chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm nhằm kiểm soát tính tuân thủ tiêu chuẩn của rau, củ, trái cây xuất khẩu theo các quy định của nước nhập khẩu: 05 triệu đồng/vùng/năm. | - Hỗ trợ vùng xuất khẩu chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm nhằm kiểm soát tính tuân thủ tiêu chuẩn của củ, trái cây xuất khẩu theo các quy định của nước nhập khẩu: 5 triệu đồng/vùng/năm. |
|  | **Điều 7. Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất: chi hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí (không quá 200 triệu đồng/máy, thiết bị) cho các tổ chức, cá nhân đầu tư mua mới máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Tối đa không quá 1 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Tại mục 10 Phần IV Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030, giao UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung Ương *"Ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp phù hợp chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của địa phương , đảm bảo".*  - Thực tế, việc cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp của thành phố mới chỉ tập trung ở cây lúa, cây rau màu và cây ăn quả chưa được quan tâm. Mức độ cơ giới hóa hiện nay chưa đồng bộ, chủ yếu ở các khâu như: làm đất, thu hoạch và vận chuyển. Mức độ cơ giới hóa cơ giới hóa hiện nay chưa đồng bộ,các khâu sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản còn hạn chế. Số lượng máy, thiết bị lạc hậu, chiếm tỷ lệ cao. Máy móc hiện đại, công suất lớn còn thiếu dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng máy. Để đảm bảo khuyến khích được nông dân huy động nguồn vốn tự có để đầu tư cơ giới hoá rất cần có chính sách hỗ trợ đủ hấp dẫn để khuyến khích mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ***: một lần tối đa 50% kinh phí (không quá 200 triệu đồng/máy, thiết bị) cho các tổ chức, cá nhân đầu tư mua mới máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Tối đa không quá 1 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân:  - Hỗ trợ 50% kinh phí: Vận dụng Khoản c Điều 29 Nghị định 83/2018/NĐ- CP ngày 24/5/2018 quy định: Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.  - Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/tổ chức, cá nhân dựa trên thực tế khảo sát một số loại máy phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông, thủy sản của một số công ty lớn trên địa bàn thành phố. |
|  | **Điều 8. Hỗ trợ phát triển con giống gia súc, gia cầm:** Ngân sách thành phố một lần không quá 30% giá trị mua lợn đực giống, lợn nái sinh sản, các loại gà, vịt, ngan cấp bố mẹ; mức hỗ trợ tối đa không 300 triệu đồng/cơ sở. | ***1. Cơ sở đề xuất:***  - Căn cứ Điều 9 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi.  - Cơ sở thực tiễn: thành phố khuyến khích các cơ sở chăn nuôi lựa chọn giống vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với nhu cầu sản xuất cho tiêu dùng, cũng như nhu cầu xuất khẩu. Đồng thời thay đổi tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ chuyển sang mô hình trang trại tập trung quy mô lớn; Điều này góp phần nâng cao chất lượng thịt, trứng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người chăn nuôi và cải thiện tốc độ tăng trưởng của ngành chăn nuôi thành phố.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ***: Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ. |
| **Khoản 5 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy địnhHỗ trợ thực hiện sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAHP, An toàn dịch bệnh động vật | **Điều 9. Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi về xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách:***  - Điểm c Khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường quy định *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn lực thực hiện nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn; chỉ đạo, tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn; ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn”.*  - Điểm b Khoản 2 Điều 4 Luật Chăn nuôi quy định *"Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động xử lý môi trường chăn nuôi".*  - Điều 10 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ có quy định Chính sách khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi.  - Cơ sở thực tiễn: Trong quá trình chăn nuôi đã phát sinh các phế phụ phẩm dưới dạng chất thải rắn, chất thải lỏng, khí thải và mùi gây sức ép đối với môi trường xung quanh. Theo kết quả điều tra sơ bộ của Ngành Nông nghiệp, trên địa bàn thành phố, lượng phát sinh chất thải rắn ước tính khoảng 4,124 triệu tấn/năm (trâu, bò: khoảng 1,044 triệu tấn/năm; lợn: khoảng 0,96 triệu tấn/năm và gia cầm: khoảng 2,12 triệu tấn/năm); lượng phát sinh nước thải ước khoảng 2421,39 triệu lít/năm, chủ yếu là nước thải trong hoạt động chăn nuôi lợn và trâu, bò (lợn 861,33 triệu lít/năm; trâu, bò: 1560,06 triệu lít/năm). Công tác thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi đã được các trạng trai các hộ triển khai, tuy nhiên vẫn còn một lượng chất thải và nước thải phát sinh trong chăn nuôi khoảng 30% thải trực tiếp ra môi trường thông qua hệ thống cống rãnh thoát nước hoặc xả thải trực tiếp ra môi trường (ao, hồ…) gây ô nhiễm nguồn nước.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ****:* Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ. |
| - Hỗ trợ một lần tối đa 30 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi để mua chế phẩm sinh học, hóa chất cải tạo hệ thống nước thải trong chăn nuôi đáp ứng điều kiện sản xuất theo quy trình VietGAHP, an toàn dịch bệnh động vật. | - Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 100 triệu đồng/cơ sở (trang trại quy mô lớn). |
|  | + Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí xử lý chất thải trong chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 1 tỷ đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô lớn). |
|  | **Điều 10. Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất thủy sản hàng hóa tập trung (trực tiếp một lần sau đầu tư)** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách:***  - Luật Thủy sản 2017;  - Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;  - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;  - Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;  - Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nuôi trồng thủy sản lồng bè trên vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.  - Các Quyết định về định mức mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố: QĐ số 633/QĐ-BNN-KN ngày 03/02/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, 788/QĐ-UBND ngày 14/3/2022, 629/QĐ-UBND ngày 13/3/2023, 1135/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND thành phố về việc về việc phê duyệt bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố.  - Cơ sở thực tiễn:  + Trong quá trình triển khai Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND cũng như tổ chức các hội nghị tập huấn phổ biến, tuyên truyền về văn bản, chính sách pháp luật trong hoạt động sản xuất thủy sản tại các địa phương, các nông ngư dân đề nghị cần có thêm cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp sau đầu tư.  + Các đối tượng tính toán mức đầu tư con giống, vật tư thiết yếu (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi, cá song nuôi lồng bè, cá vược nuôi lồng bè) là các đối tượng nuôi chủ lực, phổ biến, có giá trị kinh tế và được các hộ dân lựa chọn nuôi trồng nhiều trên địa bàn thành phố.  + Công văn số 1721/UBND-BQLV ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc rà soát các đối tượng có nhu cầu vay vốn để thực hiện đóng mới lồng bè theo nội dung Đề án nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ****:* căn cứ chi phí đầu tư sản xuất của các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản  - Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản ao đầm (01 ha), cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển khoảng 1 - 2 tỷ đồng.  - Tính toán tiền vật tư thiết yếu, con giống cho 1 ha ao nuôi trồng thủy sản: khoảng 700.000.000 – 1.300.000.000 đồng/ha.  - Tính toán tiền vật tư thiết yếu, con giống cho 1 cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè: 1.177.900.000 đồng/bè (cơ sở nuôi).  - Đề xuất hỗ trợ 1 lần kinh phí: bằng 50% tổng kinh phí tổng kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc theo thực tế, tối đa không quá 500 triệu đồng; 5% tổng chi phí đầu tư đầu tư con giống, vật tư thiết yếu tương ứng 70 triệu đồng/ha nuôi trồng thủy sản/cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè. |
|  | + Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị móc 500 triệu đồng/ha nuôi trồng thủy sản, 500 triệu đồng/cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển, 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy sản. |
|  | + Hỗ trợ đầu tư con giống, vật tư thiết yếu theo thực tế, tối đa không quá 70 triệu đồng/ha nuôi trồng thủy sản, 70 triệu đồng/cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển. |
| **Khoản 5 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy địnhHỗ trợ thực hiện sản xuất chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAHP, An toàn dịch bệnh động vật. | **Điều 11. Hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách:***  - Điểm b Khoản 2 Điều 4 Luật Chăn nuôi quy định "Nhà nước hỗ trợ các hoạt động phát triển các mô hình thực hành chăn nuôi tốt".  - Điểm c Khoản 2 Điều 5 Luật Thú y quy định "Nhà nước hỗ trợ các hoạt động áp dụng hệ thống thực hành tốt".  - Theo Điều 6 Luật Thủy sản, quy định Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản.  - Kế thừa chính sách tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 6 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương  - Cơ sở thực tiễn: Hiện thành phố có 100 cơ sở chăn nuôi trang trại được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh, 22 cơ sở chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP và 03 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; trên 400 hộ nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích gần 265 ha được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn an toàn VietGAP. Tỷ lệ này rất nhỏ so với quy mô chăn nuôi, diện tích nuôi trồng thủy sản của thành phố. Vì vậy, thành phố cần có chính sách hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và chăn nuôi an toàn dịch bệnh.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:***  - Mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt các cứ báo giá của tổ chức chứng nhận độc lập.  - Mức hỗ trợ chăn nuôi ATDB theo điểm c Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ. |
| - Hỗ trợ chi phí tư vấn, tập huấn chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, chăn nuôi an toàn dịch bệnh động vật: 10 triệu đồng/cơ sở.  - Hỗ trợ chi phí đánh giá, cấp giấy chứng nhận năm đầu là 30 triệu đồng/cơ sở và đánh giá lại trong năm thứ hai là 15 triệu đồng/cơ sở. | - Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh không quá 70 triệu đồng/cơ sở.  - Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá giám sát trong năm thứ hai không quá 30 triệu đồng/cơ sở. |
| **Khoản 6 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy định **h**ỗ trợ một lần 10 triệu đồng/01 ha để mua chế phẩm sinh học và thuốc phòng trị bệnh trong danh mục được phép lưu hành; sản xuất sản phẩm an toàn theo quy trình VietGAP.  - Hỗ trợ chi phí tư vấn, tập huấn nuôi trồng thủy sản theo quy trình VietGAP: 10 triệu đồng/vùng.  - Hỗ trợ chi phí đánh giá cấp giấy chứng nhận VietGAP là 40 triệu đồng/vùng và chi phí đánh giá lại trong năm thứ hai là 20 triệu đồng/vùng. |  |
| **Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023** của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025  - Nội dung chi: tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP | **Điều 12. Hỗ trợ sản phẩm tham gia Chương trình OCOP**  Hỗ trợ sản phẩm đạt chứng nhận OCOP: 250 triệu đồng/sản phẩm 5 sao; 150 triệu đồng/sản phẩm 4 sao; 80 triệu đồng/sản phẩm 3 sao | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  *-* Tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 919/QĐ-TTg, ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025 quy định UBND thành phố ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP phù hợp với nội dung, định mức hỗ trợ của trung ương và điều kiện thực tế của địa phương.  - Quyết định số 950/QĐ-BCT ngày 18/4/2023 của Bộ Công thương về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2023 – 2025.  - Cơ sở thực tiễn: Đa phần các chủ thể OCOP là các cơ sở sản xuất nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã với quy mô sản xuất và nguồn lực tài chính hạn chế. Việc hoàn thiện hồ sơ OCOP, đặc biệt là các yêu cầu về chứng nhận chất lượng, bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, có thể gây tốn kém và khó khăn cho họ.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:***  - Mức hỗ trợ tư vấn xây dựng hồ sơ, mẫu mã tem nhãn, bao bì sản phẩm: Căn cứ theo điểm a, c, đ khoản 2, Điều 87 TT 55/2023/TT-BTC; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 TT 02/2015/TT-BLĐTBXH theo đó hỗ trợ các nội dung tư vấn phát triển sản phẩm, tư vấn xây dựng kế hoạch sản xuất, chất lượng sản phẩm cho chủ thể, hỗ trợ xây dựng câu chuyện sản phẩm; xây dựng thiết kế mẫu mã tem nhãn, bao bì sản phẩm (Dự toán, khái toán chi tiết tại phụ lục 1)  - Mức chi giải thưởng sản phẩm OCOP: tham khảo mức chi hỗ trợ của một số tỉnh thành phố  + Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND tỉnh Phú Thọ Ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ quy định thưởng cho các chủ thể có sản phẩm OCOP lần đầu đối với sản phẩm đạt 5 sao, 4 sao, 3 sao lần lượt là 50, 30, 20 triệu đồng/sản phẩm.  - Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND tỉnh Bắc Giang quy định chính sách phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2024-2025 cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được cấp có thẩm quyền công nhân sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên hỗ trợ tham gia đánh giá, phân hạng lần đầu đối với sản phẩm 5 sao, 4 sao, 3 sao lần lượt là 300, 150, 50 triệu đồng/sản phẩm. |
|  |
| **Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019,** quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương | **Điều 13. Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn”*  - Cơ sở thực tiễn: Trên địa bàn thành phố đã hình thành các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tiêu biểu, một số chuỗi liên kết đang được triển khai hiệu quả. Tuy nhiên các tổ chức sản xuất cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu về xuất hàng hóa, thiếu tính bền vững; liên kết trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản vẫn còn lỏng lẻo, quy mô và phạm vi liên kết còn hạn chế. Do đó, để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá cần có cơ chế chính sách tổng thể nhằm hỗ trợ các tác nhân tham gia chuỗi liên kết hiệu quả, bền vững trong thời gian tới.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ***  + Định mức hỗ trợ được quy định tại Điều 7, 8, 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.  + Kế thừa chính sách hỗ trợ các chính sách tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. |
| - Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. | Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường), tối đa không quá 300 triệu đồng. | Quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ |
| - Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông cho các bên tham gia liên kết | Dự án liên kết được hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông như sau: |  |
| *Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn; tối đa không quá 500 triệu đồng/1 dự án liên kết.* | *Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn; tối đa không quá 500 triệu đồng/MH.* | Quy định tại điểm c, Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã |
| *Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; tối đa không quá 01 tỷ đồng/1 dự án liên kết.* | *Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; tối đa không quá 01 tỷ đồng/mô hình.* | Quy định tại điểm d, Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi |
| *Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh; tối đa không quá 30 triệu đồng/1 dự án liên kết.* | *Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh; tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án.* |  |
| Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100 % kinh phí cho các bên tham gia liên kết,thực hiện tổ chức mở lớp tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết; mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/1 dự án liên kết | Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100 % kinh phí cho các bên tham gia liên kết, thực hiện tổ chức mở lớp tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết; mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/dự án | Quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường |
| e) Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các bên tham gia liên kết thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp chứng chỉ học nghề cho người lao động tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo; không quá 140 triệu đồng/1 dự án liên kết. | Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các bên tham gia liên kết, thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp chứng chỉ học nghề cho lao động tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo | Quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; về mức hỗ trợ vận dụng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 |
| f) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã: Mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/1 dự án liên kết, cụ thể:  - Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 50%chi phí mua vật tư trong 03 vụ cho các ngành hàng, sản phẩm có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm. Hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống cây trồng mới, hỗ trợ 50% chi phí mua vật tư trong 03 năm cho ngành hàng sản phẩm có chu kỳ sản xuất trên 01 năm.  - Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống; 50% chi phí mua thuốc sát trùng, vắc - xin phòng bệnh gia súc, gia cầm trong 02 chu kỳ sản xuất.  - Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 50% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 chu kỳ sản xuất.  - Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất.. | + Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã, cụ thể: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng, vật nuôi; 50% chi phí mua vật tư trong 03 vụ cho các ngành hàng, sản phẩm trồng trọt có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm, trong 03 năm cho ngành hàng, sản phẩm trồng trọt có chu kỳ sản xuất trên 01 năm; 50% chi phí mua thuốc sát trùng, vắc - xin phòng bệnh gia súc, gia cầm trong 02 chu kỳ sản xuất; 50% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản trong 01 chu kỳ sản xuất; 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm trong 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triêu đồng/dự án hoặc kế hoạch | Quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 9; Điểm c Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. |
| - Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗicho các bên tham gia liên kết: Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/1 dự án. | - Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch | Theo Điểm d Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. |
| **Khoản 8 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương,** quy định Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá tiêu thụ nông sản | **Điều 14. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm OCOP, làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/07/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định “2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn".  - Điểm b Khoản 3 Điều 9 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định “3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây: ...b) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm chăn nuôi”.  - Điểm b Khoản 2 Điều 63 Luật Trồng trọt năm 2018 quy định "Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm: Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và xúc tiến thương mại sản phẩm cho vùng sản xuất hàng hóa tập trung".  - Kế thừa quy định tại Khoản 8 Điều 6 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:***  - Điểm d khoản 2, Điều 87 TT 55/2023/TT-BTC: Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP.  - Điểm đ khoản 2, Điều 87 TT 55/2023/TT-BTC: Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  - Quyết định 25/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 ban hành quy định xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hải Dương.  - Mức đề xuất hỗ trợ tăng so Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023, lý do các chi phí tổ chức chương trình xúc tiến thương mại tăng. |
| - Hỗ trợ tổ chức, thực hiện chương trình xúc tiến thương mại cấp tỉnh (*triển lãm nông sản, kết nối giao thương, xúc tiến đầu tư...*): 03 tỷ đồng/năm. | Tổ chức chương trình xúc tiến thương mại cấp thành phố: triển lãm, hội chợ, lễ hội nông sản, kết nối giao thương, xúc tiến đầu tư…: *(5 tỷ/năm x 5 năm)* |
|  | Hỗ trợ cho các cơ sở kinh phí tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức |
|  | **Điều 15. Hỗ trợ công trình khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi quy mô lớn** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Điểm c Khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường quy định *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn lực thực hiện nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn; chỉ đạo, tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn; ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn”.*  - Điểm b Khoản 2 Điều 4 Luật Chăn nuôi quy định *"Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động xử lý môi trường chăn nuôi".*  + Điểm b Khoản 2 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:*** Điểm b Khoản 2 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi. |
| Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi, tối đa không quá 1 tỷ đồng/công trình. |
|  | **Điều 16. Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn thành phố** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Luật Thú y 2015, quy định Nhà nước khuyến khích các hoạt động “Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ động vật tập trung”.  - Điểm d Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định Chính sách của Nhà nước về chăn nuôi quy định: “*Xây dựng và phát triển sản phẩm chăn nuôi quốc gia, sản phẩm chăn nuôi chủ lực, sản phẩm chăn nuôi hữu cơ; xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi quốc gia; xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, chợ đầu mối, cơ sở đấu giá để quảng bá, tiêu thụ giống và sản phẩm chăn nuôi; xúc tiến thương mại và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi;...*  - Điều 11 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2025, quy định hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm…;  - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;  - Cơ sở thực tiễn:  + Nhu cầu vốn để đầu tư sản xuất là tất yếu khách quan của các cơ sở sản xuất đang bị hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau; việc tiếp cận nguồn vốn vay lãi suất từ ngân hàng còn gặp khó khăn; tâm lý của một bộ phận người dân muốn được hỗ trợ trực tiếp sau đầu tư, không phát sinh các thủ tục với ngân hàng.  + Các tổ chức, cá nhân khi tham gia giết mổ tại cơ sở phải chi trả phí dịch vụ giết mổ cho chủ cơ sở giết mổ. Trong khi đó, thực hiện giết mổ tại nhà, chi phí giết mổ thấp, tâm lý các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ không muốn di rời, tham gia giết mổ tại cơ sở giết mổ. Do đó, để khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung, cần có hỗ trợ một phần chi phí dịch vụ giết mổ.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:***  - Căn cứ tính toán tiền xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị máy móc phục vụ giết mổ  - Căn cứ chi phí dịch vụ giết mổ thực tế, các hộ tham gia giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn thành phố phải chi trả chi phí dịch vụ giết mổ là trên 300.000 đồng/con trâu, bò, 60.000-75.000 đồng/con lợn, 4.000 – 10.000 đồng/con gia cầm. |
|  | Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư về cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải, trang thiết bị, máy móc cơ sở giết mổ tập trung  + Hỗ trợ **50%** tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải, mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ giết mổ, kho lạnh bảo quản, thiết bị bảo quản sau giết mổ động vật, không quá **8.000** triệu đồng/cơ sở giết mổ.  + Hỗ trợ chi phí dịch vụ giết mổ: 100.000 đồng/con trâu, bò, 50.000 đồng/con lợn, 4.000 đồng/con gia cầm trong 01 năm đầu đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giết mổ tại cơ sở giết mổ động vật được đầu tư. |
| **Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019,** quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương | **Điều 17. Hỗ trợ hạ tầng dự án liên kết** | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Điều 8 và Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn”.  - Cơ sở thực tiễn: Trên địa bàn thành phố đã hình thành sản xuất tập trung quy mô lớn, tuy nhiên thực trạng hạ tầng thủy lợi, giao thông tại các vùng đang sản xuất, cũng nhưng các vùng trong kế hoạch phát triển đều chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất, nhất là những vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ hướng hàng hóa, quy mô lớn. Do đó, để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá cần ban hành và triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ hạ tầng dự án liên kết.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ***  + Định mức hỗ trợ được quy định 8 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.  + Kế thừa chính sách hỗ trợ các chính sách tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. |
| Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 08 tỷ đồng/dự án liên kết. | Ngân sách thành phố hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chi phí hạ tầng phục vụ liên kết: 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các dự án liên kết; tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 8 tỷ đồng/dự án liên kết |
| **Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương**, quy định hỗ trợ 50% chi phí xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, nhưng không quá 150 triệu đồng/ha. | **Điều 18. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung**  Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% chi phí xây dựng hạ tầng vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung (*hệ thống cấp thoát nước đầu mối (kênh cấp, cống đầu mối, kênh thoát nước, trạm bơm), đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung*) không quá 330 triệu đồng/ha | ***1. Cơ sở đề xuất chính sách***  - Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia Phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021- 2030 (điểm b, khoản 8 Điều 2).  - Điểm a Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định “*Ngân sách nhà nước hỗ trợ: a) Không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung*”.  - Kế thừa chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy dịnh Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.  - Cơ sở thực tiễn: Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung hiện nay chưa được đầu tư đầy đủ hoặc đã xuống cấp xong chậm được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện nên hạn chế khả năng mở rộng sản xuất và kết nối thị trường; việc đầu tư cho vùng nuôi tập trung nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo ra hàng hóa quy lớn, có sức cạnh tranh cao.  ***2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:*** kế thừa Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy dịnh Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hải Dương và căn cứ khảo sát hạng mục đầu tư tại các vùng sản xuất tập trung dự kiến. |
|  | **Điều 19. Tổ chức thực hiện** |  |
|  | Điều 3. Tổ chức thực hiện1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết | Quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện Nghị quyết. |
|  | **Điều 20. Hiệu lực thi hành**  Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng … năm 2025. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá…, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng….. năm 2025./. | Dự kiến thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết và là nội dung trình bày theo mẫu số 17, phụ lục III, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ |